TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Bà Nguyễn Thị Nguyện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Minh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn YT, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn YT, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2021 và trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/01/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 sa vào các tệ nạn xã hội như rượu, cờ bạc, ngoại tình. Cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không ai quan T1 đến ai. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc và thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 06/9/2008. Vợ chồng ly hôn,

chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T1 đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Chị T đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai và tại các phiên hòa giải, quan điểm của anh Nguyễn Văn T1:

- Về hôn nhân: Anh T1 thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không có lý do. Chị T xin ly hôn anh T1 không đồng ý.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/9/2008. Anh T1 không muốn vợ chồng ly hôn nên không có quan điểm.

- Về tài sản và công nợ: Anh T1 không muốn vợ chồng ly hôn, nên không có quan điểm, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đối với con chung:

Theo bản tự khai ngày 27/12/2021 quan điểm của cháu Nguyễn Văn D:

Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Theo bản tự khai ngày 27/12/2021 quan điểm của cháu Nguyễn Ngọc A:

Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, xử cho chị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng, không yêu cầu anh T1 đóng góp nuôi con, về tài sản và công nợ chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Không nhất trí ly hôn nên không có quan điểm về con chung, tài sản và công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- *Về con chung:* Giao cả hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/9/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Yên Thường, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn T1 đến làm việc, anh T1 đã làm bản tự khai và tham gia hòa giải. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các giấy tờ, văn bản của Tòa án cho anh T1. Ngày 16/3/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh T1 vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T1 vắng mặt. Như vậy anh Nguyễn Văn T1 cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án lần thứ hai vắng mặt bị đơn: anh Nguyễn Văn T1

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở hai người Chị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/01/2005. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Quá trình chung sống cả chị T và anh T1 đều xác nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 16 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 không chịu khó

làm ăn, sa vào các tệ nạn xã hội nên tình cảm phai nhạt dần. Về phía anh T1 thừa nhận sau 16 năm chung sống thì vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nhưng vè nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không trình bày. Việc anh T1 không muốn ly hôn nhưng cũng không thiết tha níu kéo. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

** Về con:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/9/2008. Vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung, còn anh T1 do không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về phần nuôi con. Thiết nghĩ hiện tại anh T1 có thái độ bỏ mặc, buông xuông, không quan T1 chăm sóc đến gia đình. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con nên giao cả hai con chưa thành niên cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T1 phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị T hoàn toàn chính đáng, không trái quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

** Về tài sản và công nợ*:

Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn T1.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1

- *Về con chung:* Giao cả hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/9/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

- *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0005470 ngày 06/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDhuyện Đông Sơn
- Các đương sự.
-UBND xã Đông Yên
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như